

Bản án số: **09/2022/HS-ST**
Ngày: 26/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính
Ông Vũ Xuân Dự

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2022/TLST- HS ngày 10/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HS ngày 14/01/2022 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Họ và tên **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: Q), sinh năm 1986 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X, con bà Vũ Thị N; có vợ là Nguyễn Thu H và có 01 con sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Họ và tên **Phạm Văn T1**, sinh năm 1971 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T2 (đã chết) con bà Trần Thị Đ; có vợ là Đỗ Thị V (đã ly hôn) và có 02 con: con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2000. Tiền án: không.

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC ngày 22/9/2020 của Công an xã Đ, huyện K xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”.

Lịch sử bản thân:

- Bản án số 40/2015/HSST ngày 27/11/2015 của TAND huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 07 triệu đồng và 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội “Đánh bạc”, đã thi hành xong ngày 30/11/2015 nên được xóa án tích.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPVPHC ngày 14/6/2017 của Đoàn Công an B, huyện K xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã thi hành xong ngày 15/6/2017 nên được xóa vi phạm.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Họ và tên Trần Thị H1, sinh năm 1988 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 10, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H2 (đã chết) con bà Nguyễn Thị H3; có chồng là Trần Văn C và có 02 con: con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án: không

Tiền sự: Quyết định XPHC chính số 187/QĐ-XPVPHC ngày 02/11/2020 của Công an huyện K xử phạt 1.500.000đồng về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Họ và tên Đỗ Văn L, sinh năm 1968 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N1(đã chết) con bà Phạm Thị T3 (đã chết); có vợ là Vũ Thị P và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án, tiền sự: không

Lịch sử bản thân: Ngày 09/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 5.000.000đồng và 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong ngày 11/6/2020 nên được xóa án tích.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Họ và tên Trần Thị L1, sinh năm 1962 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/10; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn R (đã chết) con bà Phạm Thị S (đã chết); có chồng là Hoàng Tiến D và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1992. Tiền án: không.

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành số 190/QĐ-XPVPHC ngày 02/11/2020 của Công an huyện K xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã thi hành xong ngày 10/11/2020, nên được xóa vi phạm.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Họ và tên Đậu Văn Đ, sinh năm 1979 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Đậu Văn O (đã chết) con bà Nguyễn Thị N2; có vợ là Phạm Thị Hồng N3 và có 04 con: con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Họ và tên Trần Thị L2, sinh năm 1960 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm B, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn R (đã chết) con bà Phạm Thị S (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn N4 và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: không.

Lịch sử bản thân:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 199/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2019 của Công an huyện K xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Không thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý an ninh trật tự đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện”, đã thi hành xong ngày 15/10/2021, nên được xóa vi phạm.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPVPHC ngày 28/2/2020 của Công an xã V, huyện K xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã thi hành xong ngày 28/2/2020, nên được xóa vi phạm.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Họ và tên Trần Trọng K, sinh năm 1984 tại huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công K1 con bà Lê Thị L3; có vợ là Phạm Thị D1 và có 02 con: con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H1:** bà Ngô Thị Lý - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình “Có mặt”

*** Người làm chứng:** anh Đoàn Văn H4 “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 26/7/2021 Phạm Văn T1, Trần Trọng K, Đậu Văn Đ, Trần Thị H1 đến nhà nghỉ Hải Vân của Trần Thị L2 ở xóm B, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình chơi. Trong lúc cả nhóm ngồi uống nước tại gian bếp nhà L2 thì Nguyễn Văn T ở phòng nghỉ tầng hai xuống uống nước cùng. Lúc này T thấy trên bàn ăn có sẵn bộ bài tú lơ khơ 52 quân nên rủ T1, K, Đ, H1 đánh bạc bằng hình thức “Liêng”, góp gà 10.000đồng, tổ hết lảng 100.000đồng, cả nhóm đồng ý. Đ mang 500.000đồng vào phòng ngủ tầng 1 gặp L2 để đổi lấy 05 tờ tiền mệnh giá 100.000

đồng, sau đó quay lại gian bếp, T1 cầm bộ bài chia cho mọi người. Cả nhóm ngồi trên bàn ăn, bắt đầu đánh bạc từ khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày. Khoảng 20 phút sau, Đỗ Văn L đến, Đ nhờ L chơi hộ vài ván bài cho Đ ra ngoài hút thuốc, một lát sau Đ quay lại rủ L cùng góp tiền chơi chung một bài, L đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Trần Thị L1 đến ngồi xem đánh bạc, K hỏi vay tiền L1 để tiếp tục đánh bạc, L1 đồng ý đưa cho K 300.000 đồng. Quá trình các đối tượng đánh bạc, L2 02 lần đi từ buồng ngủ tầng 1 ra gian bếp, có biết việc đánh bạc. T, T1, K, Đ, H1, L đánh bạc đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện K phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính. T bỏ trốn, đến ngày 24/10/2021 đến Cơ quan công an trình diện.

Thu trên mặt bàn ăn số tiền 4.260.000đồng, 01 bộ bài lơ khơ 52 quân và 07 điện thoại di động các loại gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S màu đỏ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu hồng của H1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu trắng của K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu đen của L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI C11 màu xanh của T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A7 màu xanh đen của Đ. Ngoài ra còn thu giữ trên người T1 01 ví da bên trong có 520.000 đồng, trên người Đ 100.000 đồng đều sử dụng để đánh bạc. Thu giữ trong ốp điện thoại của H1 số tiền 4.400.000 đồng, sử dụng 400.000đồng để đánh bạc, thu giữ trên người L1 số tiền 100.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 5.280.000 đồng.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKS-KS ngày 08/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Trần Thị H1, Đỗ Văn L, Đậu Văn Đ, Trần Trọng K, Trần Thị L2 và Trần Thị L1 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Trần Thị H1, Đỗ Văn L, Đậu Văn Đ, Trần Thị L1, Trần Thị L2 và Trần Trọng K phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T1 và bị cáo Đỗ Văn L. Xử phạt bị cáo T1 từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ; Xử phạt bị cáo L từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung các bị cáo từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo H1 từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập và phạt bổ sung cho bị cáo do thuộc diện hộ nghèo.

Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L1, Đậu Văn Đ và Trần Thị L2. Xử phạt bị cáo T từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo L1 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Đ từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo L2 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung các bị cáo từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Trọng K từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.280.000 đồng. Trả lại bị cáo K 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XSmax; trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5; trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A7; trả lại cho bị cáo T1 01 điện thoại nhãn hiệu Real Me C11 và 01 ví da cũ và trả lại cho bị cáo L1 số tiền 100.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo H1 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A3S và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 và số tiền 4.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc các bị cáo T, T1, L, Đ, K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H1, vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L2 và bị cáo L1, vì các bị cáo thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị H1; bà Ngô Thị Lý trình bày: nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, hành vi phạm tội như lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn chính xác, phù hợp với lời khai của người làm chứng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hành vi phạm tội của bị cáo chỉ mang tính chất được thua. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, do đó khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo được cải tạo tại địa phương. Bị cáo thuộc đối tượng hộ nghèo, là lao động duy nhất trong gia đình, nên đề nghị Tòa án xem xét miễn án phí và không áp

dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, như vậy cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên và không có ý kiến gì khác, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. LỜI NÓI SAU CÙNG CÁC BỊ CÁO XIN HĐXX XEM XÉT GIẢM NHẸ HÌNH PHẠT CHO CÁC BỊ CÁO.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận khoảng thời gian từ 21 giờ ngày 26/7/2021 đến khoảng 23 giờ cùng ngày tại gian bếp nhà bị cáo Trần Thị L2 tại xóm B, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Trần Thị H1, Đỗ Văn L, Đậu Văn Đ, Trần Trọng K đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức “Liêng” được thua bằng tiền. Bị cáo Trần Thị L2 dùng nhà ở của mình cho các đối tượng khác đánh bạc, bị cáo Trần Thị L1 ngồi xem và cho Trần Trọng K vay 300.000 đồng để đánh bạc nên bị cáo L1 và bị cáo L2 là đồng phạm với vai trò giúp sức. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 5.280.000 đồng, thì bị Công an huyện K phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính. LỜI KHAI CỦA CÁC BỊ CÁO TẠI PHIÊN TÒA PHÙ HỢP VỚI CÁC TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ CÓ TRONG HỒ SƠ VỤ ÁN NHƯ: Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 26/7/2021; dữ liệu trích xuất từ camera nhà bị cáo L2; lời khai của người làm chứng đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc, sử dụng nhà của mình cho người khác đánh bạc, cho người khác vay tiền để đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng” là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi đó gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”.

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Trần Thị H1, Đỗ Văn L, Đậu Văn Đ, Trần Thị L1, Trần Thị L2 và Trần Trọng K phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như đã được viện dẫn. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: đây và vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng là vụ án đồng phạm giản đơn nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất, vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp:

- Về nhân thân các bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: có nhân thân tốt, tuy nhiên bị cáo lại giữ vai trò cao nhất trong vụ án, bị cáo là người khởi sự, trực tiếp tham gia đánh bạc, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc cao nhất, khi bị Công an phát hiện bắt quả tang đã bỏ chạy, gây khó khăn cho việc điều tra, xử lý.

Đối với bị cáo Phạm Văn T1: có nhân thân xấu, có tiền sự về hành vi đánh bạc, ngoài ra lịch sử bản thân của bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện K xét xử về tội đánh bạc, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, mà vẫn dấn thân vào con đường phạm tội.

Đối với bị cáo Trần Thị H1: có nhân thân xấu, có tiền sự về hành vi đánh bạc, bị cáo là phụ nữ mà không tu chí làm ăn và nuôi dạy con cái, vẫn dấn thân vào con đường phạm tội.

Đối với bị cáo Đỗ Văn L: tuy không có tiền án, tiền sự; nhưng lịch sử bản thân của bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện K xét xử về tội đánh bạc.

Đối với bị cáo Trần Thị L1: có nhân thân xấu, có tiền sự về hành vi đánh bạc. Bị cáo là phụ nữ, tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng khi thấy các bị cáo khác sát phạt nhau không can ngăn mà còn ngồi xem và cho bị cáo K vay tiền, giúp sức cho bị cáo K đánh bạc.

Đối với bị cáo Trần Thị L2: có nhân thân xấu, bản thân bị cáo đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc và hành vi vi phạm ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Bị cáo là phụ nữ, là người cao tuổi nhất, tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc, không hưởng lợi từ các con bạc khác nhưng lại sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để giúp sức cho các con bạc khác sát phạt nhau.

Đối với bị cáo Đậu Văn Đ: bị cáo có nhân thân tốt, tuy nhiên sau khi phạm tội bị khởi tố bị cáo lại tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật cũng về hành vi đánh bạc, mặc dù chỉ bị xử phạt hành chính, nhưng điều đó thể hiện bị cáo coi thường pháp luật.

Đối với bị cáo Trần Trọng K: có nhân thân tốt

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T1, L lịch sử bản thân đã bị Tòa án xét xử bằng bản án nên không được hưởng tình tiết “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, còn các bị cáo T, H1, L1, L2, Đ và K được hưởng tình tiết “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 và L có bố, mẹ là “*người có công với cách mạng được tặng Huy chương*” và bị cáo H1 gia đình thuộc diện hộ nghèo, bản thân bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương, đây là các tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo tuy là ít nghiêm trọng, nhưng cần phải xử lý trước pháp luật, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền sử dụng vào việc phạm tội chỉ trên mức định lượng được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập và phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo T, T1, L, L1, L2 và Đ. Riêng bị cáo H1 gia đình thuộc diện hộ nghèo, bản thân bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương nên miễn khấu trừ thu nhập và phạt bổ sung cho bị cáo; còn đối với bị cáo K chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng giúp bị cáo nhìn nhận ra lỗi lầm của mình.

[3] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 05 điện thoại di động, cụ thể: thu giữ của bị cáo K 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax; thu giữ của bị cáo L 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5 và thu giữ của bị cáo Đ 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A7; thu giữ của bị cáo T1 01 điện thoại nhãn hiệu Real Me C11. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định các điện thoại nói trên không sử dụng vào việc đánh bạc, nên trả lại cho các bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của bị cáo H1 và 02 điện thoại thu giữ của bị cáo H1 gồm 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A3S và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105. Đây là số tiền và tài sản riêng của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 100.000 đồng thu giữ của bị cáo L1. Đây là số tiền riêng của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 ví da thu giữ của bị cáo T1, đây là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Đây là công cụ sử dụng vào việc đánh bạc, do giá trị sử dụng còn lại thấp, nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.280.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, nên cần phải tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo T, T1, L, Đ, K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H1, vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L2 và bị cáo L1, vì các bị cáo thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T1 và bị cáo Đỗ Văn L.

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị H1.

Căn cứ: khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L1, Đậu Văn Đ và Trần Thị L2.

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Trọng K.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T1, Trần Thị H1, Nguyễn Văn T, Trần Thị L1, Đỗ Văn L, Trần Thị L2, Đậu Văn Đ và Trần Trọng K phạm tội **“Đánh bạc”**.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T1 21 (hai mươi một)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo

T1 cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo T1 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo T1 số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo **Trần Thị H1 19 (mười chín)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo H1 cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2.3. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 17 (mười bảy)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T cho UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.4. Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn L 15 (mười lăm)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo L cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo L trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo L số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.5. Xử phạt bị cáo **Trần Thị L1 12 (mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo L1 cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo L1 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo L1 số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.6. Xử phạt bị cáo **Đậu Văn Đ 09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đ cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo Đ trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo Đ số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.7. Xử phạt bị cáo **Trần Thị L2 06 (sáu)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo L2 cho UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã V giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo L2 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo L2 số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.8. Xử phạt bị cáo **Trần Trọng K** số tiền **25.000.000** (hai mươi lăm triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.
- Tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.280.000 đồng.
- Trả lại cho bị cáo H1 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A3S và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 và số tiền 4.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị cáo K 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XSmax; trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5; trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A7 và trả lại cho bị cáo T1 01 điện thoại nhãn hiệu Real Me C11 và 01 ví da cũ; trả lại cho bị cáo L1 số tiền 100.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết như Biên bản giao nhận vật chứng và Ủy nhiệm chi ngày 17/01/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

4. Án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn L, Trần Trọng K và Đậu Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Thị H1, bị cáo Trần Thị L2 và bị cáo Trần Thị L1.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện K;
- THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng